

TỪ ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH NGHĨ VỀ VIỆC DẠY HỌC VĂN HỌC DÂN GIAN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP*

TÓM TẮT

Bài viết này trình bày một số suy nghĩ về tình trạng quá tải ở phạm vi tiết học trong dạy học văn học dân gian ở nhà trường phổ thông. Đây là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến việc hạn chế sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, kéo theo những ảnh hưởng không nhỏ đến mục tiêu giáo dục phát triển năng lực học sinh.

Từ khóa: phát triển năng lực, dạy học văn học dân gian, quá tải.

ABSTRACT

***An Observation about Folklore Teaching in High Schools from the Position of Students’
Competence-Based Education***

The paper presents some observations about content overload in a high-school folklore session, which is one of many reasons leading to limited utilization of innovative teaching methods, resulting in significant negative effects on the aim of developing students’ competence.

Keywords: competence-based teaching, folklore teaching, overload.

1. Trong giai đoạn hiện nay, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đang trở thành một yêu cầu khách quan, cấp bách. Nghị quyết 29 do Trung ương ban hành vừa qua đã đề cập cụ thể đến vấn đề này, trong đó khẳng định: phải chuyển mạnh quá trình giáo dục từ “nặng” về truyền thụ kiến thức sang “trọng” về hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất của người học. Điểm mới này chắc chắn có tác động mạnh mẽ đến việc dạy học môn Văn ở nhà trường các cấp, trong đó có văn học dân gian (VHDG). Phát triển năng lực học sinh (HS) là hướng đi phù hợp trong bối cảnh giáo dục hiện nay ở Việt Nam và thế giới. Để đạt được mục tiêu này, trước mắt có rất nhiều việc phải làm, mà một trong số đó là nhìn lại hoạt động dạy và học trong những

năm vừa qua, rút ra những bài học cần thiết cho công cuộc đổi mới sắp đến.

Tình trạng quá tải trong phạm vi tiết học VHDG ở nhà trường phổ thông tồn tại khá phổ biến lâu nay. Đây là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến việc hạn chế sử dụng các phương pháp dạy học tích cực của giáo viên (GV), kéo theo những ảnh hưởng không nhỏ đến mục tiêu phát triển năng lực HS. Cần có nhận thức đầy đủ hơn về thực tế này và tìm ra những hướng giải quyết phù hợp để việc dạy học VHDG đạt hiệu quả hơn.

2. VHDG là một bộ phận quan trọng của nền văn học dân tộc, được đưa vào giảng dạy trong nhà trường các cấp. VHDG có khối lượng tác phẩm đồ sộ, thể loại đa dạng, nội dung và nghệ thuật đặc sắc. Bộ phận văn học này thể hiện chân thực, sâu sắc đời sống tư tưởng và tình cảm của người lao động Việt Nam xưa, có tác

* TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

dụng lớn lao trong việc bồi dưỡng nhân cách, đạo đức, tình cảm, quan niệm thẩm mỹ cho người học.

Ở trung học phổ thông (THPT), VHDG được dạy ở lớp 10, tập trung vào đầu học kỳ I. Phân bố chương trình ở sách Ngữ văn 10 cơ bản như sau: Khái quát VHDG Việt Nam (1 tiết); Chiến thắng Mtao Mxây (trích sử thi Đăm Săn) (2 tiết); Truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu – Trọng Thủy (2 tiết); Truyện cổ tích Tấm Cám (2 tiết); Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa (gồm 6 bài nhỏ, 2 tiết); Ca dao hài hước (gồm 4 bài nhỏ, 1 tiết); Nhưng nó phải bằng hai mày (1 tiết); Tam đại con gà (1 tiết); Ôn tập VHDG Việt Nam (2 tiết).

Do dung lượng có hạn, bài viết này chỉ trình bày vấn đề dựa trên chương trình Ngữ văn 10 cơ bản. Chương trình nâng cao tạm thời không bàn đến ở đây. Thật ra, dù ở chương trình nào, quá tải cũng là một “vấn nạn”, cần được xem xét nghiêm túc, giải quyết căn cơ.

Tuy số lượng bài học nhiều như vậy nhưng VHDG được dạy gói gọn chỉ trong hơn mười tiết với nhiều mục đích yêu cầu cần đạt được:

- Về tri thức: giúp HS thấy được đầy đủ diện mạo VHDG, những giá trị cơ bản của VHDG (mang đậm nội dung yêu nước và nhân đạo/ là kho tàng lưu giữ đời sống tâm hồn dân tộc hết sức phong phú/ là kho tri thức thuộc đủ mọi lĩnh vực đời sống/ nghệ thuật đa dạng mang đậm nét dân gian...)

- Về thái độ: biết trân trọng di sản văn hóa tinh thần của dân tộc, tình yêu đối với người lao động, củng cố niềm tin vào sự chiến thắng của cái thiện...

- Về kĩ năng: biết cách phân tích một

văn bản tác phẩm VHDG dựa theo đặc trưng thể loại...

Để hoàn thành nhiệm vụ trên, trong thực tế nhiều GV và HS đã phải liên tục chạy đua với thời gian ở từng giờ học vì phân phối số tiết thì hạn chế mà nội dung bài dạy lại quá nhiều. Những hướng dẫn cụ thể trong sách giáo viên rất “nặng” về cung cấp kiến thức cụ thể. Người dạy thường trong tâm thế truyền thụ kiến thức phải bám sát sách giáo viên (để còn đáp ứng tốt cho kiểm tra, thi cử, thao giảng...) nên tiết học trở nên quá tải, không còn chỗ trống cho cảm xúc, sáng tạo...

Trong bài viết về “Chương trình VHDG trong nhà trường”, Nguyễn Xuân Đức cho rằng: “Chương trình quá ô m đ om trong mỗi tiết học. Hầu hết các giáo viên đang giảng dạy ở trung học cơ sở mà chúng tôi có dịp tiếp xúc đều nói rằng không thể nào giảng một truyện cổ dân gian (dù là thần thoại hay truyền thuyết), mười câu tục ngữ hay mười bài ca dao trong 1 tiết học... bởi vì mỗi tiết chỉ có 45 phút mà phần ôn định lớp đã mất gần chục phút rồi. Thời gian còn lại chỉ đủ cho học sinh luyện đọc. Tình trạng này cũng xảy ra ở THPT... Gần đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho giảm tải. Nhưng tình trạng quá tải mà nhiều người biết đến mới chỉ là quá tải chương trình, thực ra còn có hiện tượng quá tải trong tiết học, (...) quá ô m đ om trong một tiết học sẽ dẫn đến sự sơ sài tất yếu của bài giảng” [6, tr. 238]. Điều cần lưu ý là nhận xét này nêu cách đây đã lâu, dành cho sách Văn học lớp 6, 7, 10 cũ (được lưu hành, sử dụng từ trước khi bộ sách Ngữ văn hiện hành ra đời), nhưng đến nay dường như vẫn còn nguyên tính thời sự.

Trong công trình “Tiếp nhận tác

phẩm VHDG của HS THPT ở Tiền Giang”, tác giả Bạch Thị Đến đã khảo sát tình hình dạy học bộ môn này ở nhiều trường trên địa bàn tỉnh và thu được các kết quả đáng suy nghĩ. Đối với HS, “Các em cho rằng luôn mệt mỏi vì có nhiều tác phẩm phải học trong một tiết, còn các câu hỏi ở phần Hướng dẫn học bài lại khó hiểu... Các tác phẩm sử thi nội dung khá dài, nhiều từ ngữ và chi tiết khó hiểu...” [5, tr. 47]. Với người đứng lớp, “Một số GV cho biết bản thân họ và cả HS đều gặp khó khăn khi tiếp nhận thể loại sử thi, cụ thể là đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxây*. Nguyên nhân do thời gian phân bố cho tiết dạy và học ít, (...) bản thân HS không nắm được đặc trưng thể loại sử thi, (...) chỉ học một đoạn trích nên không nắm được toàn bộ nội dung tác phẩm. Những khó khăn này không được tháo gỡ khi phải đối diện với việc khan hiếm về tài liệu tham khảo.” [5, tr.70], và “Thật sự với 2 tiết cho một tác phẩm tiêu biểu của thể loại truyền thuyết, GV không có thời gian để tạo hứng thú cho HS và các em không có thời gian để suy nghĩ, bộc lộ cảm xúc của mình về tác phẩm” [5, tr. 95]. Tác giả kết luận “Phần VHDG trong sách giáo khoa với nội dung bài học quá nhiều không thể giải quyết trong tiết học, thêm vào đó lại phải lồng ghép kiến thức về chủ đề môi trường, chủ đề dân số vào mỗi bài học. Điều này đã làm giảm bớt thời lượng dành cho chuyên môn, thế nên cả GV và HS đều rơi vào tình trạng chạy đua với thời gian và kết quả là chỉ cảm thụ, tiếp nhận sơ sài, qua loa, thậm chí đối phó cho xong” [5, tr. 91].

Những bức xúc về nạn quá tải không chỉ được đề cập ở công trình trên. Có thể tìm thấy các ghi nhận tương tự trong rất nhiều đề tài khảo sát về tình hình dạy học

VHDG ở nhà trường THPT thuộc nhiều địa phương. Mặc dù từ năm 2006, trong *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên*, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có lưu ý về bộ sách giáo khoa hiện hành “Quá tải đang là vấn đề nhức nhối trong ngành cũng như trong dư luận xã hội. HS cũng học tập khá nặng nề về một số môn ở một số lớp... (vì vậy) nhiều bài học đã được cân nhắc tinh giản hơn...” [1, tr. 44], nhưng xem ra, bài toán giảm tải vẫn còn nhiều khó khăn, phức tạp.

3. Nghị quyết 29 lần này nhấn mạnh việc tập trung phát triển toàn diện năng lực người học. Năng lực được hiểu là sự vận dụng tổng hợp nhiều yếu tố (kiến thức, kỹ năng, thái độ, động cơ, hứng thú...) nhằm thực hiện công việc có hiệu quả. Dạy học theo hướng này cần có sự thay đổi đồng bộ của các yếu tố trong quá trình giáo dục, từ nội dung, phương pháp đến đánh giá kết quả học tập. Ở đây, thử xem xét vấn đề từ điểm nhìn phương pháp.

Từ năm 2005, định hướng đổi mới phương pháp dạy học đã được thể chế hóa trong Luật Giáo dục (điều 28.2): “Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh” [dẫn theo 1, tr. 28]. Bộ sách Ngữ văn hiện hành đã được biên soạn theo tinh thần trên. Các phương pháp dạy học tích cực như vấn đáp tìm tòi, phát hiện và giải quyết vấn đề, hợp tác trong nhóm nhỏ, dạy học theo dự án... được bộ sách nhấn mạnh và khuyến khích sử dụng. Như vậy, dạy học tích cực để phát triển năng lực cho HS không phải là vấn đề hoàn toàn mới trong

thời điểm hiện nay. Nó đã được đề ra cách đây gần chục năm. Tuy nhiên, từ định hướng đó đến những hiệu quả trong thực tiễn là một chặng đường dài. Việc đánh giá, rút kinh nghiệm cần được tiến hành thường xuyên. Nghị quyết 29 khẳng định quyết tâm chuyển từ “cung cấp và tích lũy kiến thức” sang “học cách tự học và học làm người” là thực sự cần thiết để việc đổi mới phương pháp nêu trên có điều kiện được nhận thức và thực hiện đồng bộ, hệ thống, có diện rộng, có chiều sâu hơn nữa.

Trong một tiết học, khi nội dung kiến thức cần cung cấp trở nên quá tải thì việc sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học tích cực cũng gặp nhiều khó khăn. Nhiều GV hoàn toàn nhận thức được hiệu quả của các phương pháp này nhưng do thời lượng tiết học giới hạn nên không thể thực hiện hoặc thực hiện không thường xuyên. Sau khi tham khảo ý kiến GV ở một số trường THPT tại thành phố Hồ Chí Minh về việc sử dụng phương pháp dạy học hợp tác trong bộ môn VHĐG, tác giả Tạ Thị Ngọc Thanh đã tổng kết: “56,28% GV cho rằng thỉnh thoảng mới sử dụng và chỉ sử dụng chủ yếu vào những giờ thao giảng hay đăng ký dạy tiết tốt, 28,1% GV cho rằng rất hiếm khi sử dụng phương pháp này và 6,28% GV không bao giờ sử dụng” [8, tr. 47]. Đây là trở ngại của nhiều thầy cô: “GV phải mất khá nhiều thời gian cho việc đọc và tóm tắt tác phẩm (...) vì thế khi tìm hiểu văn bản GV không còn thời gian để tổ chức thảo luận nhóm và liên hệ thực tế cho học sinh” [4, tr. 68]. Nếu có cố gắng thảo luận thì hiệu quả cũng không là bao: “Thời gian là vấn đề khó khăn nhất trong việc thực hiện phương pháp dạy học mới. Vì muốn phân nhóm, thảo luận nhóm, HS trình bày sản phẩm hợp tác nhóm của

mình thì GV phải hướng dẫn, chuẩn bị kỹ lưỡng. Thời gian cho 1 tiết học chỉ gói gọn trong 45 phút với 5 bước lên lớp khác nhau. Kết quả là HS có thảo luận, có trình bày nhưng bị hỏi thúc nên cả thầy và trò đều gấp gáp, thực hiện lụp chụp” [7, tr. 57]. Quá tải trong giờ học gây áp lực nặng nề cho cả thầy và trò, làm giảm sút hứng thú học tập: “Thời lượng dành cho những bài đọc hiểu còn quá ít để đáp ứng yêu cầu về dung lượng kiến thức và kỹ năng cần đạt ở HS. Thời gian ít nên khi làm việc nhóm HS sẽ bị áp lực, có nhiều vấn đề các em đang rất hồ hởi tranh luận nhưng vì hết thời gian nên cuộc tranh luận phải dừng lại làm các em mất đi sự hứng thú” [8, tr. 112]. Và hậu quả là những tiết học được đổi mới thật sự dường như còn quá hiếm hoi với đại đa số GV và HS: “Có thể nói, với kết cấu chương trình khá dày của VHĐG trong sách Ngữ văn 10 hiện nay, việc tạo ra một tiết học năng động, tích cực, có sự tương tác giữa thầy và trò thông qua các cuộc trao đổi, tranh luận là rất khó khăn” [9, tr. 39]. Từ thực tế này, nhiều GV quay trở lại với phương pháp thuyết giảng truyền thống để đảm bảo “an toàn”, không cháy giáo án. Mục tiêu dạy học tiếp cận năng lực (tự học, tự đánh giá, tự hoàn thiện bản thân, tự vận dụng...) xem như chưa đạt được, bởi các kỹ năng không thể được hình thành và phát triển bằng con đường truyền giảng thụ động.

Bộ môn VHĐG bên cạnh những nét tương đồng với văn học viết còn có đặc thù. Dạy học tác phẩm VHĐG cần lưu ý những nét độc đáo này. Các cách thức phù hợp đã được một số GV sử dụng là giảng dạy gắn với diễn xướng, đặt tác phẩm trong môi trường văn hóa dân gian để tìm hiểu, đặt văn bản vào hệ thống lớn hơn để so

sánh và nhận diện các giá trị của tác phẩm, khảo sát các dị bản... Những cách thức này thông qua các bài tập hoạt động nhóm cũng góp phần không nhỏ vào việc thực hiện yêu cầu phát triển năng lực ở HS (năng lực sáng tạo, hợp tác...). Tuy nhiên, thời lượng giảng dạy theo phân phối chương trình vẫn là rào cản lớn. Có khoảng trống nào dành cho diễn xướng khi trong 90 phút phải dạy đến hai truyện cười hoặc sáu bài ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa? (Những năm gần đây Bộ có giảm tải, chỉ yêu cầu dạy 3 bài, nhưng đây chỉ là giải pháp tình thế.) Với truyện Tấm Cám, An Dương Vương và Mỵ Châu – Trọng Thủy có thể dành bao nhiêu thời gian cho hoạt động kể tác phẩm khi GV còn phải giải quyết rất nhiều các phần việc khác trong tiết học?

4. Qua nhiều năm giảng dạy VHDG theo chương trình Ngữ văn 10, các trường phổ thông đã cố gắng xoay sở trong phạm vi có thể để phân nào giải quyết những bất cập trên. Số tiết dành cho mỗi bài học VHDG được cân nhắc cho phù hợp hơn với độ khó của văn bản tác phẩm, với mức độ của mục đích yêu cầu cần đạt, với trình độ HS và quỹ thời gian của nhà trường... (các trường tổ chức dạy học cả hai buổi thì có phần “dễ thở” hơn, thuận lợi để tăng tiết hơn). Từ định hướng đổi mới của ngành giáo dục, nhiều GV đã có ý thức hơn trong việc thay đổi phương pháp dạy học. Một số thầy cô năng nổ, nhiệt tình ở các trường

phổ thông đã dốc nhiều sức lực để khắc phục khó khăn, thực hiện đổi mới qua những giờ dạy đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, các nỗ lực trên đây chưa đủ để giải quyết vấn đề một cách rốt ráo. Cần có những thay đổi thực chất và đồng bộ để tất cả GV, HS được hoạt động trong một môi trường thuận lợi hơn, để ai cũng cảm thấy “mỗi ngày đến trường là một niềm vui”.

Mong sao chương trình và sách giáo khoa được biên soạn trong thời gian sắp tới sẽ có nhiều đổi mới mang tính đột phá để tạo nên những cú hích mạnh mẽ đưa hoạt động dạy học VHDG thoát khỏi tình trạng quá tải hiện nay. Cần chuyển quá trình giáo dục từ chủ yếu chú trọng trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Chương trình phải được tinh giản cho “nhẹ nhàng” hơn, số tiết phân phối phù hợp với bài dạy hơn, GV được trao quyền tự chủ nhiều hơn trong việc sắp xếp lại nội dung, cấu trúc bài giảng để thích ứng với từng đối tượng HS. Các đề thi cũng nên tăng cường yêu cầu vận dụng kiến thức để giải quyết những tình huống thực tế, giảm bớt yêu cầu ghi nhớ máy móc. Việc làm này sẽ tác động trở lại quá trình giáo dục một cách tích cực. GV, HS sẽ phải linh hoạt, sáng tạo, dạy và học chủ động hơn để có thể đáp ứng tốt với những dạng đề thi như vậy; mục tiêu phát triển năng lực cũng theo đó mà được thực hiện hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên Ngữ văn*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Ngữ văn 10*, tập một, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Ngữ văn 10*, tập một, sách giáo viên, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Phạm Thị Thúy Diễm (2010), *Dạy học các thể loại tự sự dân gian ở một số trường trung học phổ thông tại Cần Thơ*, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Cần Thơ.
5. Bạch Thị Đền (2010), *Tiếp nhận tác phẩm văn học dân gian của học sinh trung học phổ*

- thông ở Tiền Giang*, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Cần Thơ.
6. Nguyễn Xuân Đức (2003), *Những vấn đề thi pháp văn học dân gian*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 7. Đinh Thị Quỳnh Nga (2009), *Dạy học ca dao, tục ngữ ở một số trường trung học phổ thông tại Vĩnh Long*, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Cần Thơ.
 8. Tạ Thị Ngọc Thanh (2013), *Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác vào việc dạy học tác phẩm văn học dân gian ở trường trung học phổ thông*, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
 9. Nguyễn Thị Ngọc Yên (2010), *Dạy và học văn học dân gian trong chương trình Ngữ văn 10 theo hướng chủ động, tích cực*, Luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
 10. <http://www.vnu.edu.vn/ttsk/?C1654/N14938/Gia%CC%81o-du%CC%A3c->
 11. <http://thpt-hondat-kiengiang.edu.vn/hoi-dap-ve-mot-so-noi-dung-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-va-dao-tao>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26-02-2014; ngày phản biện đánh giá: 06-3-2014;

ngày chấp nhận đăng: 10-03-2014)